TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2021/DS-ST
Ngày: 21-01-2021
"V/v Tranh chấp HĐ vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác, bà Nguyễn Thúy Luân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị N, sinh năm 1981; Địa chỉ: tổ dân phố 13, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt khi xét xử, có mặt khi tuyên án)

**/ Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Anh Hồ Văn V, sinh năm 1993; Địa chỉ: số 11, đường Trần Hưng Đạo, tổ dân phố 13, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông (theo Giấy ủy quyền ngày 30/12/2020) (Có mặt)

**/ Bị đơn:* Chị Trương Thị Thu H, sinh năm 1987; Địa chỉ: tổ dân phố 10, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

**/ Người làm chứng:*

1. Chị Ngô Thị Lệ T, sinh năm 1990; Địa chỉ: tổ dân phố 9, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Chị Phan Thị Thanh N, sinh năm 1979; Địa chỉ: tổ dân phố 13, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của nguyên đơn trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Bùi Thị N cũng như lời trình bày của người đại diện phợp pháp của nguyên đơn ông Hồ Văn V trình bày: Ngày 06/5/2019 chị Bùi Thị N cho chị Trương Thị Thu H vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay

là 01 tháng; ngày 26/7/2019 chị Bùi Thị N cho chị Trương Thị Thu H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày; Ngày 30/7/2019 chị Bùi Thị N tiếp tục cho chị Trương Thị Thu H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 20 ngày. Trước đó ngày 17/7/2019 chị Trương Thị Thu Hà có vay chị Bùi Thị N số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày (khoản vay này chị Trương Thị Thu Hà đã trả cho chị Bùi Thị N) tất cả những lần vay tiền trên 02 bên thỏa thuận lãi suất là 2.000/1.000.000/01 ngày. Tổng cộng số tiền chị Trương Thị Thu H đã vay của chị Bùi Thị N là 200.000.000 đồng.

Từ lúc vay đến nay thì chị Trương Thị Thu Hà đã trả cho chị Bùi Thị N số tiền cụ thể như sau: Vào ngày 29/8/2019 chị Trương Thị Thu H trả số tiền gốc 2.000.000 đồng; Ngày 05/8/2019 chị Trương Thị Thu H trả số tiền gốc 15.000.000 đồng; vào ngày 05/10/2019 chị Trương Thị Thu H trả số tiền gốc 3.750.000 đồng; Ngày 20/10/2019 chị Trương Thị Thu H trả số tiền gốc 3.700.000 đồng; Ngày 24/10/2019 chị Trương Thị Thu H trả số tiền gốc 15.000.000 đồng; Ngày 24/12/2019 chị Trương Thị Thu H số tiền gốc 14.000.000 đồng; Ngày 03/01/2020 chị Trương Thị Thu H trả số tiền gốc 18.000.000 đồng (Tổng cộng chị Trương Thị Thu H đã trả số tiền gốc là 71.450.000 đồng). Chị Trương Thị Thu H chuyển tiền cho chị Bùi Thị N qua tài khoản ngân hàng.

Đối với số tiền mà chị Trương Thị Thu H đã chuyển trả qua tài khoản ngân hàng là 71.450.000 đồng mà chị Bùi Thị N đã nhận của chị Trương Thị Thu H, chị Bùi Thị N đồng ý khấu trừ cho khoản vay ngày 06/5/2019 với số tiền vay là 100.000.000 đồng. Khi đến hạn thanh toán tiền gốc và lãi theo thỏa thuận chị Bùi Thị N đã nhiều lần chị yêu cầu chị Trương Thị Thu H phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, tuy nhiên đến nay chị Trương Thị Thu H vẫn chưa trả số tiền gốc và lãi nào thêm cho chị theo cam kết. Do đó chị làm đơn khởi kiện yêu cầu chị Trương Thị Thu H phải trả số tiền gốc và tiền lãi suất là 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu chị Trương Thị Thu H phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Bùi Thị N số tiền gốc là 128.550.000 đồng của ba lần vay (ngày 06/5/5019, 26/7/2019, 30/7/2019) và 17.724.186 đồng tiền lãi xuất cụ thể như sau:

- Tiền lãi từ ngày 04/01/2020 đến ngày 21/01/2021 với số tiền 28.550.000 đồng theo lãi suất là 10%/01 năm x 01 năm 17 ngày = 2.977.860 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 26/7/2019 đến ngày 21/01/2021 với số tiền 50.000.000 đồng theo theo lãi suất là 10%/01 năm x 01 năm 05 tháng 25 ngày = 7.400.833 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 30/7/2019 đến ngày 21/01/2019 với số tiền 50.000.000 đồng theo lãi suất là 10%/01 năm x 01 năm 05 tháng 21 ngày = 7.345.493 đồng.

2. Bị đơn chị Trương Thị Thu H trình bày trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Vào ngày 06/5/2019 chị Trương Thị Thu H có vay của chị Bùi Thị N số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, 02 bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Tuy nhiên số tiền thực tế chị Trương Thị Thu H

nhận được là 85.000.000 đồng, số tiền còn lại 15.000.000 chị Bùi Thị N giữ lại là tiền lãi 01 tháng (tức lãi 0,5%/01 ngày/15%/01 tháng/180%/01 năm).

- Ngày 26/7/2019 chị Trương Thị Thu H có vay chị Bùi Thị N số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày, 02 bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tuy nhiên số tiền thực tế chị Trương Thị Thu H nhận được là 46.300.000 đồng, số tiền 3.700.000 đồng là chị Bùi Thị N giữ lại để trừ tiền lãi 15 ngày.

- Ngày 30/7/2019 chị Trương Thị Thu H tiếp tục vay chị Bùi Thị N số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 20 ngày, 02 bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tuy nhiên số tiền thực tế chị Trương Thị Thu H nhận được là 45.000.000 đồng, số tiền 5.000.000 đồng là chị Bùi Thị N giữ lại để trừ tiền lãi 20 ngày. Tổng cộng chị Trương Thị Thu H đã trả lãi cho chị Bùi Thị N với số tiền 202.700.000 đồng. Tuy nhiên chị Trương Thị Thu H chỉ cung cấp chứng cứ về việc đã trả số tiền cho chị Bùi Thị N là 71.450.000 đồng qua chuyển khoản tại ngân hàng. Do đó đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N thì chị Trương Thị Thu H không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Theo lời khai của người làm chứng trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Phan Thị Thanh N trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với chị Bùi Thị N và chị Trương Thị Thu H nên vào ngày 06/5/2019 thì chị Phan Thị Thanh N có giới thiệu cho chị Trương Thị Thu H vay tiền của chị Bùi Thị N, còn việc vay mượn, giao tiền cũng như thỏa thuận lãi suất giữa chị Trương Thị Thu H và chị Bùi Thị N như thế nào thì chị không biết. Ngoài ra chị không chứng kiến gì thêm.

4. Theo lời khai của người làm chứng chị Ngô Thị Lệ T trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày: Việc vay mượn tiền giữa chị Trương Thị Thu H và chị Bùi Thị N thì chị không chứng kiến, tuy nhiên chị không nhớ chính xác thời gian nhưng có lần chị Trương Thị Thu H đưa tiền cho chị để chị mang đi đóng tiền lãi cho chị Bùi Thị N (số tiền chị đưa cho chị Bùi Thị N bao nhiêu chị cũng không biết và thực chất chị cũng không biết đó là tiền gì). Ngoài ra chị không chứng kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng: Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị N. Buộc chị Trương Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị N số tiền 146.274.186 đồng, trong đó tiền nợ gốc 128.550.000 đồng, tiền lãi 17.724.186 đồng;

Chị Trương Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Bùi Thị N khởi kiện yêu cầu chị Trương Thị Thu H phải trả số tiền gốc 128.550.000 đồng; trong đó ngày 06/5/2019 (chị Trương Thị Th H vay 100.000.000 đồng nhưng đã trả số tiền gốc 71.450.000 đồng), ngày 26/7/2019 (vay 50.000.000 đồng), ngày 30/7/2019 (vay 50.000.000 đồng), phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Trương Thị Thu H có địa chỉ tại tổ dân phố 10, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản giữa chị Bùi Thị N và chị Trương Thị Thu H là giấy viết tay ngày 06/5/2019, ngày 26/7/2019, 30/7/2019 được hai bên thừa nhận là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận hợp đồng vay tiền giữa chị Bùi Thị N và chị Trương Thị Thu H là có thật và hợp pháp. Về nội dung các bên thỏa thuận là phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng dân sự.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"*.

[2.2] Căn cứ vào nội dung thỏa thuận giữa chị Bùi Thị N và chị Trương Thị Thu H thì: Ngày 06/5/2019 chị Trương Thị Thu H vay số tiền 100.000.000 đồng của chị Bùi Thị N thì chị Trương Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Bùi Thị N vào ngày 06/6/2019, tuy nhiên cho đến ngày 03/01/2020 chị Trương Thị Thu H chỉ mới trả được số tiền gốc là 71.450.000 đồng; Ngày 26/7/2019 chị Trương Thị Thu H vay số tiền 50.000.000 đồng của chị Bùi Thị N thì chị Trương Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Bùi Thị N vào ngày 11/8/2019; Ngày 30/7/2019 chị Trương Thị Thu H vay số tiền 50.000.000 đồng của chị Bùi Thị N thì chị Trương Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Bùi Thị N vào ngày 20/8/2019; Việc chị Trương Thị Thu H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hẹn cho chị Bùi Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự đó là: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ..."*.

[2.3] Xét yêu cầu trả tiền gốc của nguyên đơn: chị Bùi Thị N yêu cầu chị Trương Thị Thu H phải trả số tiền gốc là 128.550.000 đồng theo các giấy nhận nợ

viết tay ngày 06/5/2019, ngày 26/7/2019, ngày 30/7/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trương Thị Thu H thừa nhận có vay số tiền 200.000.000 đồng của chị Bùi Thị N nhưng đã trả số tiền lãi cho chị Bùi Thị N là 202.700.000 đồng. Tuy nhiên chị Trương Thị Thu H chỉ cung cấp cho Tòa án hóa đơn chuyển tiền ngân hàng về việc đã trả cho chị Bùi Thị N số tiền là 71.450.000 đồng cụ thể như sau: Vào ngày 29/8/2019 trả số tiền 2.000.000 đồng; Ngày 05/8/2019 trả số tiền 15.000.000 đồng; vào ngày 05/10/2019 trả số tiền 3.750.000 đồng; Ngày 20/10/2019 trả số tiền 3.700.000 đồng; Ngày 24/10/2019 trả số tiền 15.000.000 đồng; Ngày 24/12/2019 trả số tiền 14.000.000 đồng; Ngày 03/01/2020 trả số tiền 18.000.000 đồng (Tổng cộng đã trả số tiền là 71.450.000 đồng). Chị Bùi Thị N thừa nhận có nhận số tiền 71.450.000 đồng của chị Trương Thị Thu H. Như vậy tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu chị Trương Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc còn nợ là 128.550.000 đồng là phù hợp nên cần chấp nhận.

Chị Trương Thị Thu H cho rằng đã trả cho chị Bùi Thị N số tiền lãi là 202.700.000 đồng cho chị Bùi Thị N đối với các khoản vay ngày 06/5/2019, ngày 26/7/2019, ngày 30/7/2019, Tuy nhiên chị Trương Thị Thu H không có chứng cứ hay giấy tờ gì chứng minh cho quan điểm của mình nên HĐXX chỉ chấp nhận khấu trừ số tiền 71.450.000 đồng đã trả qua chuyển khoản vào tiền gốc của khoản vay ngày 06/5/2019 mà chị Trương Thị Thu H đang còn nợ chị Bùi Thị N.

[2.4] Xét yêu cầu tính lãi suất: Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Bùi Thị N yêu cầu tính lãi suất trên số tiền chị Trương Thị Thu H chậm nghĩa vụ thanh toán với lãi suất 10%/1 năm. Xét thấy, yêu cầu tính lãi suất của chị Bùi Thị N phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên cần áp dụng cụ thể như sau:

- Tiền lãi từ ngày 04/01/2020 đến ngày 21/01/2021 với số tiền 28.550.000 đồng với là 10%/01 năm cụ thể: 28.550.000 đồng x 10 % x 01 năm 17 ngày = 2.977.860 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 26/7/2019 đến ngày 21/01/2021 với số tiền 50.000.000 đồng với là 10%/01 năm cụ thể: 50.000.000 đồng x 10%/01 năm x 01 năm 05 tháng 25 ngày = 7.400.833 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 30/7/2019 đến ngày 21/01/2021 với số tiền 50.000.000 đồng với là 10%/01 năm cụ thể: 50.000.000 đồng x 10%/01 năm x 01 năm 05 tháng 21 ngày = 7.345.493 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chị Trương Thị Thu H phải trả số tiền là: 146.274.186 đồng; trong đó tiền gốc là 128.550.000 đồng; tiền lãi: 17.724.186 đồng.

Do việc vay mượn của chị Trương Thị Thu H sử dụng vào mục đích cá nhân, không liên quan gì đến anh Lê Tấn H (Chồng chị Trương Thị Thu H), chị Bùi Thị N cũng không yêu cầu anh Lê Tấn H phải liên đới trả nợ nên không có căn cứ buộc anh Lê Tấn H phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền 146.274.186 đồng.

[3] Về án phí: bị đơn chị Trương Thị Thu H phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn chị Bùi Thị N theo quy định. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị N đối với bị đơn chị Trương Thị Thu H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1. Buộc chị Trương Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị N số tiền 146.274.186 đồng *(Một trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn một trăm tám mươi sáu đồng)*, trong đó 128.550.000 đồng *(Một trăm hai mươi tám triệu năm trăm lăm mươi nghìn đồng)* tiền nợ gốc và 17.274.186 đồng *(Mười bảy triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn một trăm tám mươi sáu đồng)* tiền lãi suất.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/01/2021) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc chị Trương Thị Thu H phải nộp 7.313.700 đồng *(Bảy triệu ba trăm mười ba nghìn bảy trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Bùi Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số 0001955 ngày 20/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(đã ký)

- Lưu HS.

Nguyễn Thế Hạnh